TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 840/2019/DS-ST
Ngày: 27/5/2019
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Vui
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1631/2018/TLST-DS ngày 27/8/2018 về: Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-DS ngày 08/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐST-DS ngày 06/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở: Số 442 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B

Địa chỉ: Lầu 8, tòa nhà ABC Tower số 444A-446 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy ủy quyền số 995/UQ-QLN.18 ngày 20/9/2018

Bị đơn: Ông Nguyễn **C**

Địa chỉ: 63/1 (căn hộ 3.2) đường Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2017, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án và phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là ACB) là bà Nguyễn Thị **B** trình bày:

1.Ngày 07/11/2014 ACB cấp tín dụng cho ông Nguyễn **C** theo Hợp đồng tín dụng trả góp số TAU.CN.03.041114, chi tiết như sau: Số tiền vay: 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích: Tiêu dùng tín chấp - Hỗ trợ tiêu dùng - Tiêu dùng, lãi suất vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn: 19.5% /năm (tính theo dư nợ thực tế), lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Nguyễn **C** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 18/5/2017, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 18/6/2017

ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.Tính đến ngày 27/5/2019 ông Nguyễn **C** còn nợ ACB các khoản sau: Vốn: 109.829.145 đồng, lãi trong hạn: 14.932.188 đồng, lãi quá hạn: 63.179.216 đồng, phạt chậm trả: 1.400.000 đồng, tổng cộng: 189.340.549 đồng.

2.Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/12/2014 của ông Nguyễn **C**, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB và các văn bản của ông Nguyễn **C** ký với ngân hàng ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng, ngày 16/01/2015 ACB đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn **C**, chi tiết như sau: Số thẻ: 4791 3926 0005 2522, ngày cấp: 16/01/2015, hạn mức thẻ: 59.000.000 đồng, hiệu lực thẻ: 36 tháng, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: theo Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn **C** đã không thanh toán đầy đủ cho ACB theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 22/11/2016, ACB đã ra thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn và thu hồi nợ trước hạn toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Nguyễn **C**. Tính đến ngày 27/5/2019, ông Nguyễn **C** còn nợ ACB các khoản sau: Vốn: 63.621.922 đồng, lãi quá hạn: 67.953.398 đồng, tổng cộng: 131.575.320 đồng (*một trăm ba mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi đồng)*

Như vậy, tổng dư nợ của các khoản vay trên tính đến ngày 27/5/2019 là: 320.915.869 đồng *(ba trăm hai mươi triệu chín trăm mười lăm nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng)*

Do ông Nguyễn **C** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ACB đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Thái không có thiện chí trả nợ nên ACB đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn

Nay ACB yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn **C** trả toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp số TAU.CN.03.041114 ngày 07/11/2014, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/12/2014, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB kể từ ngày 28/5/2019 đến ngày ông Nguyễn **C** trả dứt nợ. Ông Nguyễn **C** phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn **C**: Ông Thái đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

1.Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã nhận định về quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2.Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị HĐXX chấp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2].Về thủ tục tố tụng: Đại diện của nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa.

Bị đơn là ông Nguyễn **C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc buộc ông Nguyễn **C** phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 27/5/2019 là 320.915.869 đồng, trong đó: vốn là 173.451.06 đồng, lãi trong hạn: 14.932.188 đồng, lãi quá hạn: 131.132.614 đồng, phạt: 1.400.000 đồng, là số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số TAU.CN.03.041114 ngày 07/11/2014 và tiền nợ từ việc sử dụng thẻ tín dụng số: 4791 3926 0005 2522, ngày cấp: 16/01/2015, yên cầu trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận từ ngày 28/5/2019 cho đến ngày trả dứt nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Căn cứ Hợp đồng tín dụng trả góp số TAU.CN.03.041114 ngày 07/11/2014 do ACB và ông Nguyễn **C** ký, bảng sao kê giao dịch, bảng tính lãi có đủ cơ sở xác định ACB có cho ông Nguyễn **C** vay: 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay: Tiêu dùng tín chấp - Hỗ trợ tiêu dùng - tiêu dùng, lãi suất trong hạn: 19.5%/năm (tính theo dư nợ thực tế) lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 07/11/2014, ACB đã giải ngân số tiền vay nói trên vào tài khoản vay số 188932519.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn **C** đã không thanh toán đầy đủ cho ACB theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 22/11/2016, ACB đã ra thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn và thu hồi nợ trước hạn toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Nguyễn **C**. Tính đến ngày 27/5/2019, ông Nguyễn **C** còn nợ ACB các khoản sau: 189.340.549 đồng (một trăm tám mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, năm trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Vốn là 109.829.145 đồng, lãi trong hạn: 14.932.188 đồng, lãi quá hạn: 63.179.216 đồng, phạt chậm trả: 1.400.000 đồng.

3.2. Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/12/2014 của ông Nguyễn **C**, bảng tính lãi, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB và các văn bản của ông Nguyễn **C** ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng, ngày 16/01/2015 ACB đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn **C**, chi tiết như sau: Số thẻ: 47913926 0005 2522, ngày cấp: 16/01/2015, hạn mức thẻ: 59.000.000 đồng, hiệu lực thẻ: 36 tháng, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn được tính theo Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn **C** đã không thanh toán đầy đủ cho ACB theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 22/11/2016, ACB đã ra thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn và thu hồi nợ trước hạn toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Nguyễn **C**.

Tính đến ngày 27/5/2019, ông Nguyễn **C** còn nợ ACB các khoản sau: Vốn: 63.621.922 đồng, lãi quá hạn: 67.953.398 đồng, tổng cộng: 131.575.320 đồng.

Việc bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm thỏa thuận theo các hợp đồng mà các bên đã ký kết gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản

2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005, Khoản 2 Điều 3, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh về việc chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ là 320.915.869 đồng, trong đó, vốn là: 173.451.067 đồng, lãi trong hạn là: 14.932.188 đồng, lãi quá hạn là: 131.132.914 đồng, phạt chậm trả là: 1.400.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp số TAU.CN.03.041114 ngày 07/11/2014, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB kể từ ngày 28/05/2019 đến ngày ông Nguyễn **C** trả dứt nợ. Ông Nguyễn **C** phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 16.045.743 đồng, ông Thái phải chịu.

Ngân hàng ACB không phải nộp án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 6.019.601đồng cho Ngân hàng ACB theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0040060 ngày 16/11/2017 của thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật Thi hành án;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A.

1.1. Buộc ông Nguyễn **C** phải thanh toán cho Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 189.340.549 đồng (một trăm tám mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, năm trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Vốn là 109.829.145 đồng, lãi trong hạn: 14.932.188 đồng, lãi quá hạn: 63.179.216 đồng, phạt chậm trả: 1.400.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng trả góp số TAU.CN.03.041114 ngày 07/11/2014. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Buộc ông Nguyễn **C** phải thanh toán cho Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 131.575.320 đồng, trong đó: 63.621.922 đồng, lãi quá hạn: 67.953.398 đồng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/12/2014, thẻ tín dụng số 4791 3926 0005 2522, cấp ngày 16/01/2015, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Ông Nguyễn **C** tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng trả góp số TAU.CN.03.041114 ngày 07/11/2014 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/12/2014, thẻ tín dụng số 47913926 00052522, cấp ngày 16/01/2015 kể từ ngày 28/5/2019 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí: Ông Nguyễn **C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.045.743 đồng (mười sáu triệu, không trăm bốn mươi lăm ngàn, bảy trăm bốn ba đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí là 6.019.601 đồng (sáu triệu, không trăm mười chín ngàn, sáu trăm lẻ một đồng) theo biên lai số AA/2017/0040060 ngày 16/11/2017 của thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự,
- TAND Tp.Hồ Chí Minh,
- VKSND Q.Bình Thạnh,
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh,
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Yến